

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN QUAN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-01-2024  
V/v Tranh chấp Ly hôn,  
nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị Gấm

Ông Hoàng Văn Mừng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị B, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phùng Văn D, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 07/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Triệu Thị B trình bày:

Chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D cùng sống tại thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do được hai bên gia đình giới thiệu, mai mối nên hai người tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 02 tháng và nhất trí kết hôn với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng

chung sống cùng gia đình chồng, làm ruộng, vườn, kinh tế không quá khó khăn nhưng do không có thời gian yêu nhau nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh Phùng Văn D hay uống rượu, mỗi lần say rượu lại chửi mắng vợ dẫn đến hôn nhân căng thẳng. Nhiều lần chị Triệu Thị B đã bỏ về nhà ngoại, sau đó lại quay về chung sống cùng chồng nhưng anh Phùng Văn D không hề quan tâm, yêu thương vợ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2017 chị Triệu Thị B đã về nhà mẹ đẻ sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Triệu Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Phùng Văn D. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phùng Việt Đ, sinh ngày 13/10/2009 hiện nay đang sống cùng bố ở Thôn B, xã A, huyện V. Khi ly hôn chị Triệu Thị B yêu cầu anh Phùng Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phùng Việt Đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị B không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023, anh Phùng Văn D trình bày thống nhất về quan hệ hôn nhân, quen biết, tìm hiểu, chung sống như chị Triệu Thị B đã trình bày. Hai vợ chồng kết hôn, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 2017 chị Triệu Thị B đi làm thuê, phụ vữa ở trường mầm non xã A thì không còn chăm lo cho gia đình, vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau nhưng chưa xảy ra xô xát. Từ tháng 9/2017 chị Triệu Thị B bỏ về nhà ngoại sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hiện nay chị Triệu Thị B yêu cầu ly hôn, anh Phùng Văn D cũng xác định không còn tình cảm với chị Triệu Thị B, nhất trí ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung tên là Phùng Việt Đ, sinh ngày 13/10/2009 hiện đang sống cùng anh Phùng Văn D; khi ly hôn anh Phùng Văn D yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Phùng Việt Đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Triệu Thị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023, cháu Phùng Việt Đ trình bày hiện nay cháu đang sống cùng bố Phùng Văn D và đang học lớp 9 trường THCS xã A, huyện V, được chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Khi bố mẹ ly hôn, cháu Phùng Việt Đ có nguyện vọng được sống cùng bố Phùng Văn D.

Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại công văn số 585/CV-UBND ngày 22/12/2023, UBND xã A, huyện V cung cấp thông tin: Chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống tại thôn B, xã A, huyện V. Từ năm 2017 vợ chồng có mâu thuẫn từ đó sống ly thân với nhau cho đến nay. Vợ chồng có một con chung tên là Phùng Việt Đ sinh ngày 13/10/2009 hiện nay đang sống với anh Phùng Văn D, không bị ngược đãi, được đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành giải thích quyền trợ giúp pháp lý cho các đương sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D. Về con chung: Giao cháu Phùng Việt Đ, sinh ngày 13/10/2009 cho anh Phùng Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phùng Văn D không yêu cầu. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung do đương sự trình bày không có. Về án phí, chị Triệu Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn B, xã A, huyện V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D được gia đình giới thiệu, mai mối, đã tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương từ năm 2009. Từ khi chung sống với nhau cho đến nay, chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, 2014 nên quan hệ hôn nhân không hợp pháp. Chị Triệu Thị B anh Phùng Văn D đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa, không có nguyện vọng tiếp tục chung sống cùng nhau và thống nhất ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D có 01 con chung tên là Phùng Việt Đ, sinh ngày 13/10/2009. Khi ly hôn, giao cháu Phùng Việt Đ cho anh Phùng Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến

khi con đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Phùng Văn D không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị B là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không yêu cầu được miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Căn cứ các Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D.

2. Về con chung: Chị Triệu Thị B và anh Phùng Văn D có 01 con chung tên là Phùng Việt Đ, sinh ngày 13/10/2009. Khi ly hôn, giao cháu Phùng Việt Đ cho anh Phùng Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị B đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003175 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hường**